TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Pháp môn Tịnh độ và Tư tưởng Niệm Phật của Đàm Loan

ISSN: 2734-9195 19:58 04/03/2024

Pháp môn Tịnh độ trong tư tưởng của Ngài Đàm Loan được nghiên cứu giúp mọi người hiểu đúng, hiểu sâu sắc về pháp môn Niệm Phật, không còn tâm phân biệt, xem nhẹ cũng như cố chấp vào pháp môn mình đang thọ. Từ đó góp phần ứng dụng hài hòa giữa các pháp môn trong Giáo pháp của đức Phật, giúp mọi người có một cuộc sống tâm linh phát triển phong phú hướng đến cội nguồn chân thiện mỹ.

Pháp môn Tịnh độ và Tư tưởng Niệm Phật của Đàm Loan

Tác giả: **Huệ Liên**

Chùa Long Hưng, Phương Trạch, Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội.

Dẫn nhập

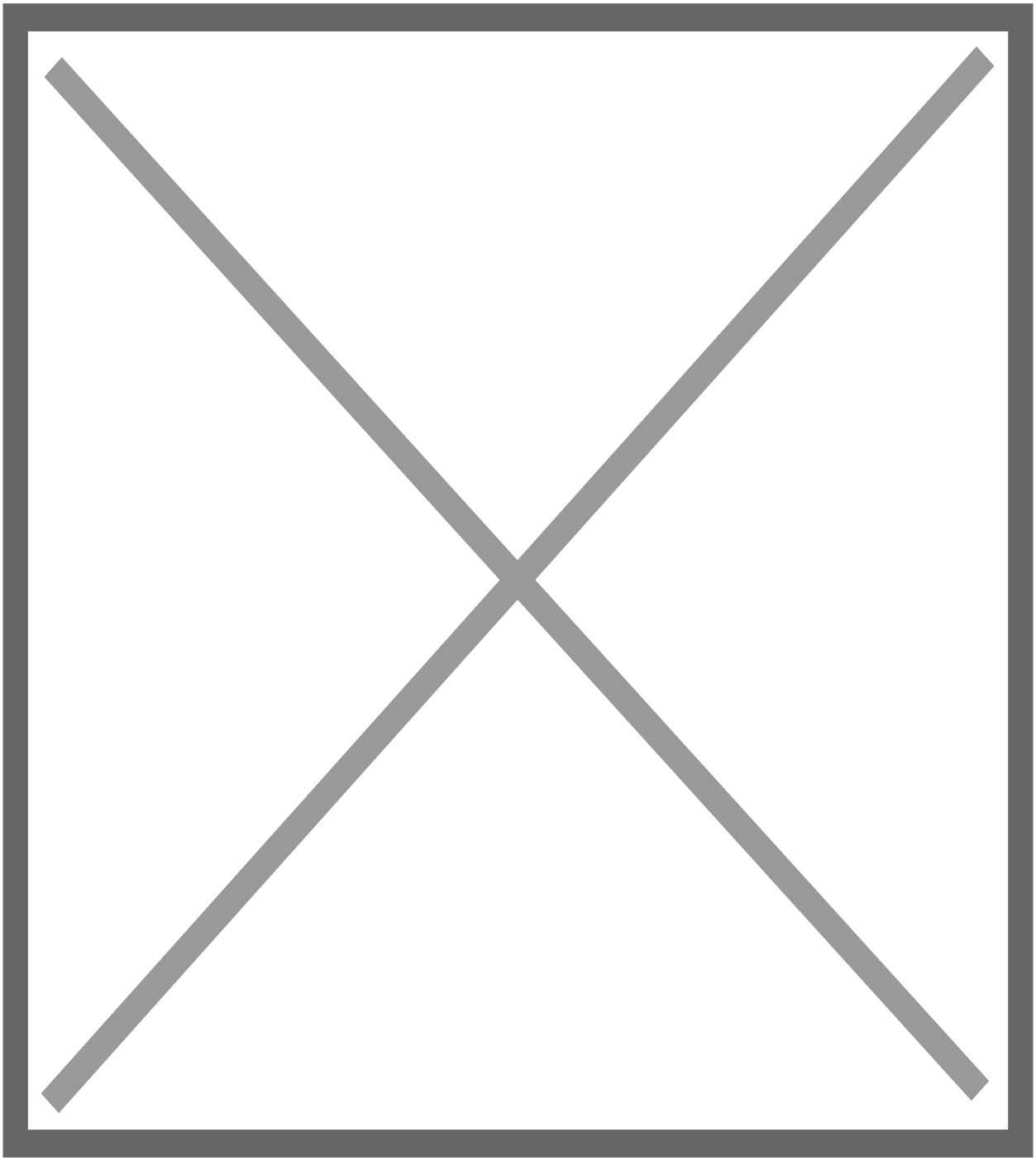
Giáo pháp của đức Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn tu tập, nhằm để đoạn trừ tám vạn bốn ngàn trần lao phiền não của chúng sinh. Chúng ta ngày nay tiếp nhận pháp môn Tịnh Độ, một pháp môn tu rất gần gũi, quen thuộc mang tính truyền thống của người tu sĩ và cư sĩ tại gia Phật giáo. Trong pháp tu này, không gặp những khó khăn như những pháp môn tu khác bởi tính dễ hiểu, dễ ứng dụng, được hàng tu sĩ, cư sĩ lấy đó làm kim chỉ nam cho việc hành trì tu tập, ứng dụng xuyên suốt mà không bị trở ngại do thiếu trình độ, thiếu sự hiểu biết gây ra, được các tầng lớp từ giai cấp thấp đến giai cấp quý tộc, từ trẻ đến già đều có thể cảm nhận được tính vi diệu trong thực hành riêng biệt. Sự hiểu biết sau cạn tùy theo trình độ, trí tuệ mà ai cũng cung kính hành trì, hợp nhất.

Một thời gian rất dài, **pháp môn Tịnh Độ** bị coi là pháp môn dành cho những bà cụ, ông cụ dốt nát, kém trí mới ứng dụng, còn những bậc thượng căn thượng

trí thì tu Thiền, tu Mật. Liệu suy nghĩ này có đúng không? Nhưng đã có rất nhiều sách luận giải về pháp môn Tịnh độ do các vị tổ Tịnh độ ghi chép lại cho hàng hậu bối và vẫn còn rất nhiều vị có kiến giải cho pháp môn Tịnh Độ mà ít người đi sâu luận giải những huyền cơ của các Ngài.

Trong phạm vi của bài viết, con xin trình bày một vài nét về tư tưởng niệm Phật của Ngài Đàm Loan để mọi người hiểu đúng, hiểu sâu sắc về pháp môn Niệm Phật, không còn tâm phân biệt, xem nhẹ cũng như cố chấp vào pháp môn mình đang thọ. Từ đó góp phần ứng dụng hài hòa giữa các pháp môn trong Giáo pháp của đức Phật, giúp mọi người có một cuộc sống tâm linh phát triển phong phú hướng đến cội nguồn chân thiện mỹ.

[caption id="attachment_27303" align="aligncenter" width="900"]



Muốn sinh về thế giới Tịnh Độ Tây Phương, hành giả phải nổ lực chí thành chí thiết, phải huân tập những đức hạnh của Bồ-tát, của chư Phật, để đồng với quý Ngài. Ảnh: Internet.[/caption]

Nội dung

1. Lược sử về sự hình thành pháp môn Tịnh độ

1.1. Giải thích thuật ngữ “Tư Tưởng Niệm Phật”

- Định nghĩa Tư tưởng: Theo các tài liệu ghi nhận: Tư tưởng là sự phản ánh hiện thực trong ý thức, là những biểu hiện các mối quan hệ giữa con người với những vấn đề về thế giới xung quanh, những quan điểm đại diện cho ý chí, nguyện vọng của cá nhân, của gia cấp, hay của một dân tộc được hình thành trên cơ sở thực tiễn nhất định và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực.

- Định nghĩa niệm Phật: **Niệm Phật** là một phép tu trong **Tịnh độ tông**.

Chữ Niệm: trong chữ Hán Việt là chữ tượng hình ghép từ 2 chữ. Chữ KIM ở trên và chữ TÂM ở dưới. Như vậy NIỆM chính là tâm nhớ nghĩ ngay trong thời khắc hiện tại. Cho nên, "niệm Phật" có nghĩa là phải dùng tâm hiện tại mà niệm, trong lúc niệm Phật chú ý ngay trong lúc miệng niệm Phật thì tai nghe tiếng niệm Phật mà tâm không nghĩ ngời chuyện gì khác.

Vậy "Tư tưởng niệm Phật" là những nguyện vọng được hình thành trên lĩnh vực niệm Phật, với mục đích hỗ trợ cho việc niệm Phật được hoàn thiện hơn, hiệu quả hơn.

1.2. Nguồn gốc của Tịnh độ tông

Phật giáo truyền vào Trung Hoa vào cuối TK thứ nhất cho đến đầu TK thứ 2 nhưng những kinh luận thuộc giáo nghĩa Tịnh độ phải đến TK thứ 3 mới xuất hiện. Ở Ấn Độ, đó là "một đường lối tu tập" nhưng không thiết lập tông phái, chỉ khi các kinh điển Tịnh độ truyền qua Trung Hoa thì Tịnh độ mới trở thành tông phái.

Trải qua quá trình lịch sử với những biến đổi thăng trầm của Phật giáo đã phân chia ra nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn mang tư tưởng khác nhau theo sự nhận thức của con người. Theo Nguyễn Tuệ Chân đã phân định ra thành ba giai đoạn: "giai đoạn Phật giáo Nguyên thủy, giai đoạn Phật giáo Bộ phái và giai đoạn Phật giáo Đại thừa".[1] Đối với Phật giáo Đại thừa, "sự hình thành tư tưởng Phật giáo Đại thừa là phong trào phát triển một đường lối Phật giáo mới hình thành từ năm 150 trước Công nguyên đến năm 100 sau Công nguyên. Phong trào này là kết quả của sự kế thừa và phát huy nhưng mang tính độc lập, khởi dậy từ miền Nam, miền Tây Bắc và miền Đông Ấn Độ. Ba đặc tính nổi bậc là vũ trụ quan mới, kiến giải mới về Abhidhama"[2] và "quan niệm mới về Bồ tát đạo làm phương châm thực tiễn, từ đó phát sinh một cái nhìn mới về Phật và Phật pháp, đưa ra nhiều kiến giải mới, dần cấu thành phong trào Phật giáo Đại thừa. Đây là một sự mở đầu cho bước phát triển mới trong hệ thống tư tưởng Phật giáo".[3]

Giai đoạn đầu của Phật giáo Đại thừa bắt đầu hình thành tư tưởng tha lực, là nương vào sự gia trì và hộ niệm của chư Bồ tát và chư Phật hay còn gọi là Phật

lực, Bồ tát lực để được giải thoát. Thật ra tư tưởng tha lực đã có sự manh nha từ Phật giáo Nguyên thủy. Ở TK thứ I xuất hiện kinh Na Tiên Tỳ kheo. Bộ kinh này truyền tải giáo lý nguyên thủy nhưng lại có đề cập đến "tha lực". Nội dung kinh Na Tiên Tỳ kheo là những lời vấn đáp giữa Tỳ kheo Na Tiên và vua Di Lan Đà. Trong đó, nổi bậc nhất là quan điểm: nếu ai đã từng làm việc bất thiện, đến khi sắp lâm chung mà biết tưởng nhớ đến Phật sẽ được Phật lực nâng đỡ mà sinh vào cõi lành. Hễ ai tin Phật, khi lâm chung tưởng nhớ đến Phật đều được cứu độ. Lý tưởng về Niết-bàn là phi không gian, phi thời gian, bất sinh, bất diệt, bất động thì đất chính là vô tận hay vô lượng (Amita). Sự mô tả về Cực Lạc, ý nghĩa Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ và nhân cách giác ngộ đạt đến trí tuệ và từ bi vô cùng tận. Về sau, trong kinh tạng Tịnh Độ không chỉ dạy con người niệm Phật mà còn dạy con người thọ trì Tam quy, Ngũ giới, hành Thập thiện, phát Bồ đề tâm, nghiên cứu kinh điển, học tập giáo pháp, tạo lập công đức, hộ trì Tam Bảo, phóng sinh…

Cõi Tịnh Độ có mười tám thứ viên tịnh

1. Sắc tướng viên tịnh
2. Hình mạo viên tịnh
3. Lượng viên tịnh
4. Xứ viên tịnh
5. Nhân viên tịnh
6. Quả viên tịnh
7. Chủ viên tịnh
8. Trợ viên tịnh
9. Quyến thuộc viên tịnh
10. Trì viên tịnh
11. Nghiệp viên tịnh
12. Lợi ích viên tịnh
13. Vô bố úy viên tịnh
14. Trụ xứ viên tịnh
15. Lộ viên tịnh
16. Thừa viên tịnh
17. Môn viên tịnh
18. Y chỉ viên tịnh

Mười tám viên tịnh cõi của chư Phật. Ở cõi Phật lấy Đại liên hoa vương làm thành, có công năng sinh ra thiện pháp xuất thế gian, vượt khỏi hai đế khổ, tập hữu lậu trong ba cõi, lấy duy thức trí thanh tịnh tự tại của Phật, Bồ-tát làm thể. Đức Phật hóa ra tám bộ chúng, trời, rồng v.v… làm quyến thuộc đầy khắp trong nước, cõi nước này là trụ xứ thù thắng nhất trong tất cả trụ xứ. Nhưng để có thể

ứng dụng dễ hiểu, dễ hành thì Tịnh độ "lấy ba tuệ văn, tư, tu làm con đường lưu thông. Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na là xe chuyên chở đi vào cửa ba giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Trong đó, Chủ viên tịnh tức là Phật trang nghiêm. Trợ viên tịnh, Nghiệp viên tịnh, Lợi ích viên tịnh là Bồ-tát trang nghiêm. Sắc tướng viên tịnh trở xuống mười một loại là cõi nước trang nghiêm. Lại nữa, ba loại Lộ viên tịnh, Thừa viên tịnh và Môn viên tịnh là nêu ra pháp chung vào Tịnh độ".[4] Theo luận thuyết này, có thể gọi đây là một loại luận điểm về Tịnh độ có tổ chức.

Căn cứ vào Vô Lượng Thọ kinh ưu-bà-đề-xá nguyện sinh kệ của ngài Thế Thân, cho thấy: Ở thời kỳ Phật giáo Đại thừa có nhiều bản kinh đề cập đến cảnh giới của chư Phật như các cõi Tịnh Độ và vấn đề tha lực mà hành giả muốn vãng sinh về cảnh giới Tịnh Độ phải thành tựu Tín-Nguyện-Hạnh. Nhờ vào chí nguyện của hành giả và tha lực của chư Phật, chư Bồ tát mới có thể vãng sinh vào các quốc độ của chư Phật.

Thật sự như vậy, như người muốn sang Mỹ quốc, phải có niềm tin vững chắc rằng, có nước Mỹ mà mình muốn đến (đó là Tín), có tâm tha thiết muốn về nước Mỹ để tận hưởng đời sống đầy đủ về vật chất (đó là Nguyện), sau đó hành giả phải chuẩn bị mọi thứ để đủ điều kiện, được xét duyệt nhập cư vào nước Mỹ (đó là Hạnh). Đối với việc chuẩn bị tư lương để về được Mỹ quốc, để có thể sinh sống được lâu dài ở đó, thì hành giả phải chuẩn bị rất nhiều thứ: từ tiền bạc, sức khỏe, ngôn ngữ, nghề nghiệp, thích ứng khí hậu, người thân ở tại Mỹ, làm sao có thể sống hòa hợp được với họ,... Rất nhiều thứ phải chuẩn bị cho việc di dời nơi ở. Huống chi là muốn sinh về thế giới Tịnh Độ Tây Phương, hành giả phải nổ lực chí thành chí thiết, phải huân tập những đức hạnh của Bồ-tát, của chư Phật, để đồng với quý Ngài. Như một người tâm phàm không bỏ, thói hư tật xấu không chừa thì không thể sống được ở chỗ thanh tịnh, trang nghiêm. Nên "Hạnh" là việc thực hành miên mật, cho thuần thục mà hành giả phải duy trì và công phu đắc lực.

Những bộ kinh mà Tịnh độ tông lấy làm nền tảng để thành lập tông chỉ xuất hiện sau khi đức Phật diệt độ, trong thời kỳ Phật giáo Đại thừa được dịch khá muộn nhưng lại được tín đồ Phật giáo tin tưởng sâu sắc. "Ngoài ra, có nhiều kinh sách liên quan đến tư tưởng Tịnh Độ cũng được kết tập sau khi Phật nhập diệt, trong đó, đáng chú ý nhất là kinh Hoa Nghiêm"[5] với hình ảnh Bồ tát cùng với kinh Pháp Hoa đều mang tư tưởng chủ yếu là đề cao tinh thần Đại thừa. Có những điểm trong kinh Pháp Hoa chỉ ra rằng, tiểu thừa thuyết giáo là phương tiện thiện quyển, không phải là cứu cánh, do đó, Phật từng cảnh báo các đệ tử không thỏa mãn quả vị tiểu thừa đạt được, Ngài dùng nhiều ví dụ để dẫn dắt đệ tử vào con đường Đại thừa. Điều đó cho thấy rằng thời kỳ kinh Pháp Hoa ra đời

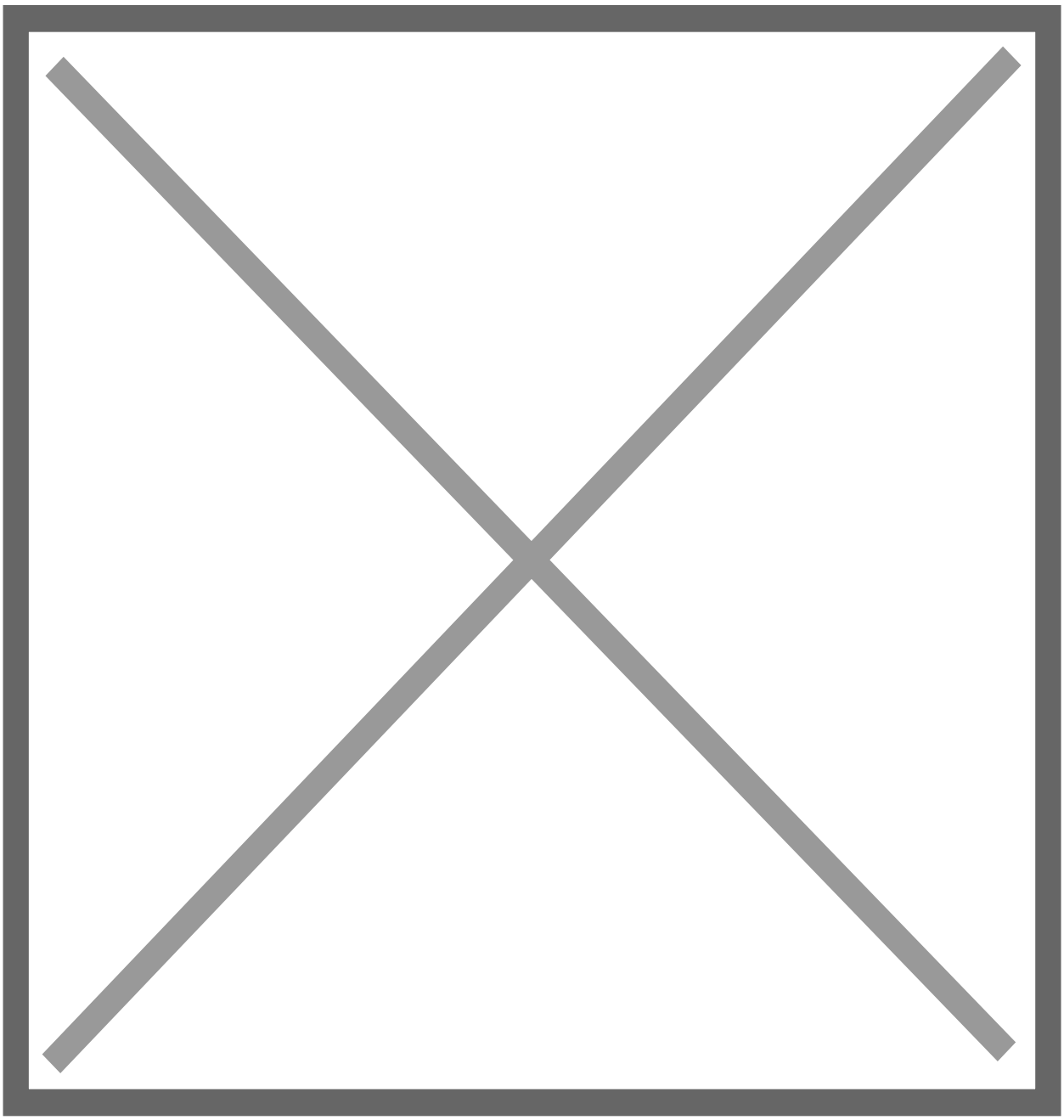
chính là thời kỳ quá độ của Phật giáo Tiểu thừa phát triển lên Đại thừa.

Tư tưởng Tịnh Độ đã có mầm móng từ Phật giáo Nguyên thủy, phát triển mạnh mẽ ở thời kỳ Phật giáo Đại thừa. Đặc biệt nhất là ba bộ kinh A Di Đà, Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ mở ra một thế giới Cực Lạc an vui, vi diệu thù thắng, đã trở nên mới mẻ và dễ dàng đối với mọi tầng lớp xã hội tu theo Phật giáo.

Phật giáo phát triển gắn liền với sự hoàn thiện Tam tạng Kinh điển, các vị Cao tăng, Tổ sư hết lòng xiển dương tư tưởng Đại thừa, trong đó có Tịnh Độ. Sau 400 năm Phật diệt độ, Tổ thứ 12 của Thiền tông Ấn Độ là luận sư Mã Minh đã tham gia kiết tập kinh điển lần thứ 4 (khoảng TKI, TCN). Tác phẩm Đại thừa khởi tín luận của Mã Minh bàn về thuyết Chân như duyên khởi, vạn pháp nhất tâm. “tác phẩm này còn ca ngợi tư tưởng Tịnh Độ, không những thế chính ông cũng phát nguyện sinh về thế giới này”.[6] Tổ thứ 14 của Thiền tông Ấn Độ là Bồ tát Long Thọ cũng trước tác khá nhiều tác phẩm, tiểu biểu trong số đó là Trung Quán luận, Thập Trung luận, Thập Nhị Môn luận, Đại thừa phá hữu luận,... Nội dung của những tác phẩm này đều triển khai giáo lý Đại thừa, bao gồm cả tư tưởng vãng sinh Tịnh Độ.

Tóm lại, nguồn gốc tư tưởng Tịnh độ tông bắt nguồn từ thời đức Phật và chỉ được triển khai lập thành tông phái ở Ấn Độ, sau Phật Niết-bàn với những dòng tư tưởng Tịnh Độ khác nhau. Mặc dù, những phương tiện giáo hóa có khác nhau, nhưng những phương tiện thiện xảo ấy đều có cùng một mục đích, một nguồn cội đó là hướng đến thanh tịnh tâm, giải thoát tâm và an lạc chân tâm.

[caption id="attachment_27304" align="aligncenter" width="900"]



Tư tưởng Tịnh độ bắt nguồn từ Ấn Độ nhưng lại phát triển mạnh mẽ tại Trung Quốc. Ảnh minh họa: Internet.[/caption]

2. Lịch sử Tịnh độ tông ở Trung Quốc

2.1. Nguồn gốc Tịnh độ tông Trung Quốc

Tư tưởng Tịnh độ bắt nguồn từ Ấn Độ nhưng lại phát triển mạnh mẽ tại Trung Quốc. Vào những năm 70-50 TCN, Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, đến khoảng những năm 148 đến 170, An Thế Cao và An Huyền lập tự viện ở Lạc Dương. Phật giáo bắt đầu bén rễ tại Trung Quốc sau khi nhà Hán sụp đổ, “Năm 355, lần đầu tiên người Trung Hoa mới được phép trở thành tu sĩ”.[7] Vào TK thứ

VI, nhiều tự viện, đền thời, động đá trang trí chư Phật và Bồ tát xuất hiện ở Trung Quốc.

Tịnh độ tông là một trong những tông phái thuộc Phật giáo Đại thừa và là một trong những pháp môn tu được đa số tín đồ ứng dụng hành trì tu tập, luôn giữ vị thế đứng đầu, bởi tính dễ hiểu, dễ ứng dụng, phù hợp cho mọi tầng lớp, căn cơ của chúng sinh, đồng thời đã trở thành một tông phái có vị thế cao trong Phật giáo Đại thừa đã tồn tại từ TK thứ V (SCN).

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Tịnh độ tông đã có 13 vị tổ nối tiếp nhau xiển dương, hoằng hóa. Ai cũng biết rằng Huệ Viễn Đại sư được tôn xưng là sơ Tổ của Tịnh độ tông tại Lô Sơn tồn tại hơn 1600 năm. Nhưng thực ra người đầu tiên xiển dương và phát triển Tịnh Độ là Đạo Xước Đại sư. Ngài là vị đạo sư của Tịnh độ tông nhưng lại không nằm trong 13 vị tổ của Tịnh độ tông. Trong Tịnh độ tông có hai vị cực giỏi nhưng lại không đứng vào hàng ngũ chư Tổ Tịnh độ là Đàm Loan và Đạo Xước. Đạo Xước là người đầu tiên sáng lập pháp môn tu Tịnh Độ ở tại Trung Quốc, rồi truyền thừa cho đến ngày nay. Nhưng ngài Ấn Quang không đưa ngài Đạo Xước vào làm sơ Tổ mà lại đưa ngài Huệ Viễn vào làm sơ Tổ. Ngài Đàm Loan cũng có thể là vị Tổ thứ 15 mà ngài Ấn Quang cũng bỏ qua. Có lẽ là trong thời cận đại chiến tranh nên không thể đúc kết được.

2.2. Đường hướng của Tịnh độ tông

Tư tưởng Tịnh độ xuất hiện với đường hướng thứ nhất của ngài Huệ Viễn, cho rằng có nhiều quốc độ khác nhau, trong đó, Tịnh Độ Tây phương chỉ là một quốc độ trong những quốc độ của Phật A Di Đà.

Đường hướng thứ hai là ngài Thiện Đạo, với phương pháp trì danh niệm Phật và quan điểm của ngài là đạt đến chỗ cuối cùng của Phật A Di Đà.

Thứ ba là ngài Từ Mẫn với phương pháp thiền-tịnh song tu, được các vị xuất gia và những vị cao tăng thực hiện phương pháp Thiền kết hợp với Tịnh độ. Cho nên những vị là Thiền tông nhưng lại xiển dương Tịnh độ tông như ngài Vĩnh Minh, Triệt Ngộ đều trở thành chư tổ của Tịnh độ tông. Ngài Trí Khải bên Thiên thai tông cũng hành trì Tịnh độ, gọi là Thai-Tịnh song tu. Có những vị từ Hoa Nghiêm tông về sau cũng chuyển qua Tịnh độ tông như ngài Vân Thê, Châu Hoằng, Liên Trì. Có những vị tổ Tịnh độ kết hợp nhiều đường hướng tu tập. Từ đây cho thấy pháp môn Tịnh Độ không nằm ngoài pháp tu Thiền.

Sự tôn thờ Phật A Di Đà trở nên phổ biến cùng với “các bản dịch của một vị hoàng tử nước An Tức là An Thế Cao vào năm 150”.[8] Nhưng kinh tạng thì đến TK thứ III mới được dịch, sư Khương Tăng Ngãi dịch kinh Vô Lượng Thọ, Cư sĩ Chí

Khiêm dịch kinh Đại A Di Đà, La Thập dịch kinh A Di Đà (Tiểu A Di Đà), sư Giác Hiền dịch kinh Tân Vô Lượng Thọ, kinh Quán Phật Tam Muội, Trí Nghiêm dịch Tịnh Độ tam muội, Cương Lương Da Xá dịch kinh Quán Vô Lượng Thọ, Bồ Đề Lưu Chi dịch Vô Lượng Thọ kinh luận. Trong đó, ba bộ kinh được xem là nền tảng của Tịnh độ tông là Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ và A Di Đà. Về sau, ngài Thế Thân trước tác bộ Vãng sinh Tịnh Độ luận. Đến đây Tịnh độ tông đã hoàn chỉnh trên ba phương diện là giáo lý, phương pháp tu tập và đối tượng tôn thờ.

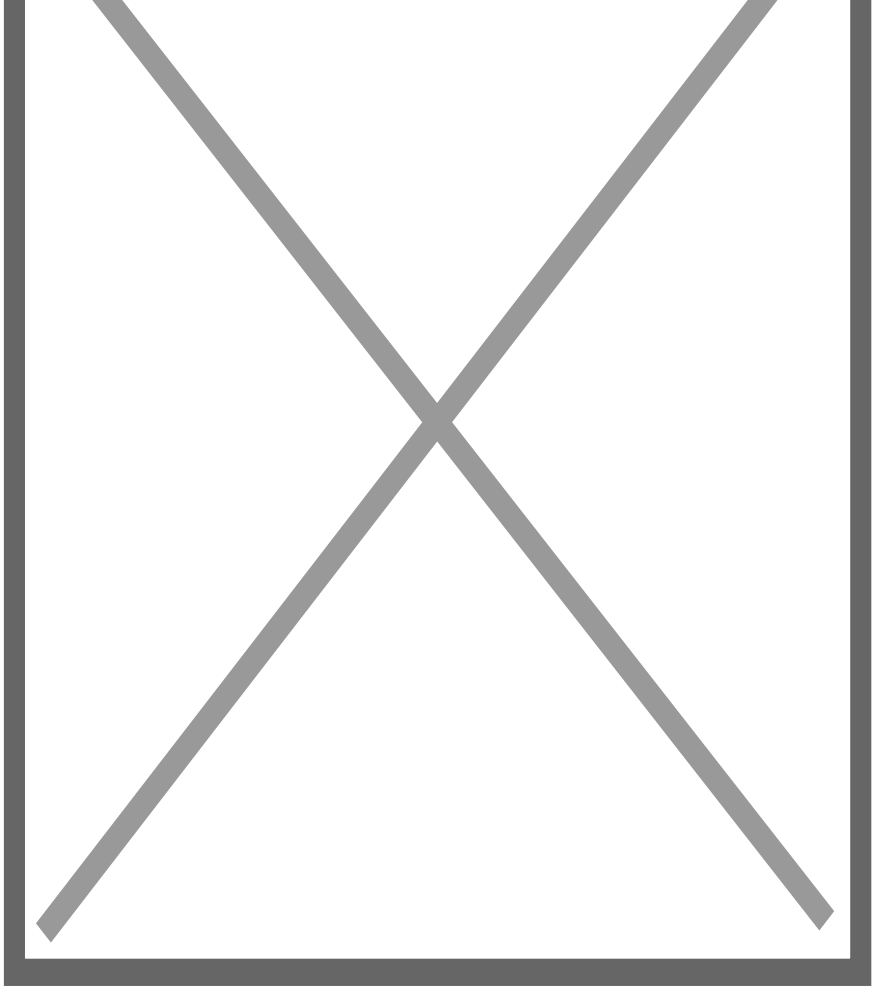
Theo lịch sử Phật giáo Trung Quốc, ba tông phái biểu trưng cho sự phát triển cao độ là Hoa Nghiêm tông, Thiên Thai tông và Thiền tông. “Khoảng thời gian 3 thế kỷ từ năm 500 đến năm 800 là những năm hưng thịnh nhất và sáng tạo nhất của Phật giáo Trung Hoa. Phật giáo lúc bấy giờ hòa nhập và trở thành một phần trong đời sống dân tộc. Trong giai đoạn này, có 8 tông phái được lập ra tại Trung Hoa”.[9] Tư tưởng giáo lý, phương pháp tu tập của Tịnh độ chỉ được tín đồ xem như là một pháp môn trong 84000 pháp môn của Phật giáo. Vì thế không có sự rõ ràng trong lịch sử truyền thừa như các tông phái khác. Về sau, các vị cao tăng căn cứ vào sự linh ứng lúc viên tịch của các cao tăng tiền bối để suy tôn làm Tổ sư Tịnh độ tông.

3. Tư tưởng niệm Phật của Ngài Đàm Loan

3.1. Sơ lược tiểu sử Ngài Đàm Loan

Ngài Đàm Loan do trong gia đình cảm niệm điềm lành mà sinh ra. Mẹ ngài niệm Phật đến mức nằm mộng thấy Đức Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát. Tất nhiên là mẹ ngài có trí tuệ, có nội tâm thanh tịnh và sự tu tập nghiêm túc. Cũng như hoàng hậu Ma-da nằm mộng thấy voi sáu ngà đi vào hông phải. Tuy sống trong ngũ dục thế gian nhưng mang một cái tâm của bậc thánh. Khi sinh ra, ngài được cha mẹ dẫn đến núi Ngũ Đài, là nơi Đức Văn Thù cư ngự. Đức Văn Thù là tượng trưng cho căn bản trí, vô sư trí.

[caption id="attachment_27302" align="alignleft" width="450"]



Tổ sư Đàm Loan. Ảnh: Internet.[/caption]

“Năm 13 tuổi, Sư đi học ở các nơi như Hứa Xương, Lạc Dương v.v...Sư thông hiểu sâu rộng 6 kinh (Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc và Xuân Thu) và Lão Trang. Năm 21 tuổi Sư cùng em là Huệ Trì nghe Ngài Đạo An giảng kinh Bát Nhã ở Hằng Sơn, Thái Hàng (phía Tây Bắc Khúc Dương, tỉnh Hà Bắc), có chỗ lãnh ngộ, cảm động than rằng: "Nho, Đạo 9 phái đều là trấu cám” (chỉ chung cho 9 học phái thời chiến quốc như Nho gia, Đạo gia, Âm Dương gia...).”[10] Sau khi về ngài cũng nằm mộng thấy Bồ tát Văn Thù nên cảm niệm, liền cùng em lễ Ngài Đạo An xin xuất gia làm đệ tử. Ngài giỏi về học thuyết Tính không của Bát nhã, đến năm 24 tuổi Ngài đăng tòa giảng, thường dẫn sách Trang Tử để thuyết minh nghĩa thật tướng của Phật giáo, khiến người có tâm nghi ngờ được hiểu rõ, Thầy Đạo An cho phép Ngài được tiếp tục bàn về sách ngoài đời.

Năm Thái Nguyên thứ 6 (381) Ngài đến Lô Sơn ở miền Nam truyền pháp, đệ tử theo học rất đông. Ngài tận lực nghiên cứu kinh điển, nhận thấy ở Giang Đông kinh điển chưa được đầy đủ, Thiền pháp chưa được nghe, Luật tạng thì thiếu

sót, nên Ngài sai các đệ tử Pháp Tịnh, Pháp Lãnh đi tìm cầu kinh điển về truyền dịch.

Năm Thái Nguyên thứ 16 (391), Ngài thỉnh Tăng Già Đề Bà người nước Kế Tân phiên dịch luận A Tỳ Đàm tâm, luận Tam Pháp độ. Ngài cho các vị đệ tử theo học, và dịch kinh, luật ở các vị Cưu Ma La Thập, Đàm Ma Lưu Chi, Phật Đà Bạt Đà La.

Niên hiệu Nguyên Hưng năm đầu (402), Ngài cùng các đồng đạo sáng lập Bạch Liên Xã, cùng nguyện vãng sinh Tịnh Độ Tây Phương, gồm 123 vị, hơn 30 năm không một lần rời núi.

Năm Nguyên Hưng thứ 2 (403), Ngài soạn luận: “Sa Môn bất kính Vương giả” để phản đối, nói rõ việc người xuất gia không bị buộc phải khuất phục vương quyền. Ngài vừa thông hiểu Phật học, lại giỏi ngoại điển nên rất được người đương thời tôn trọng và chư Tăng nước ngoài kính nể.

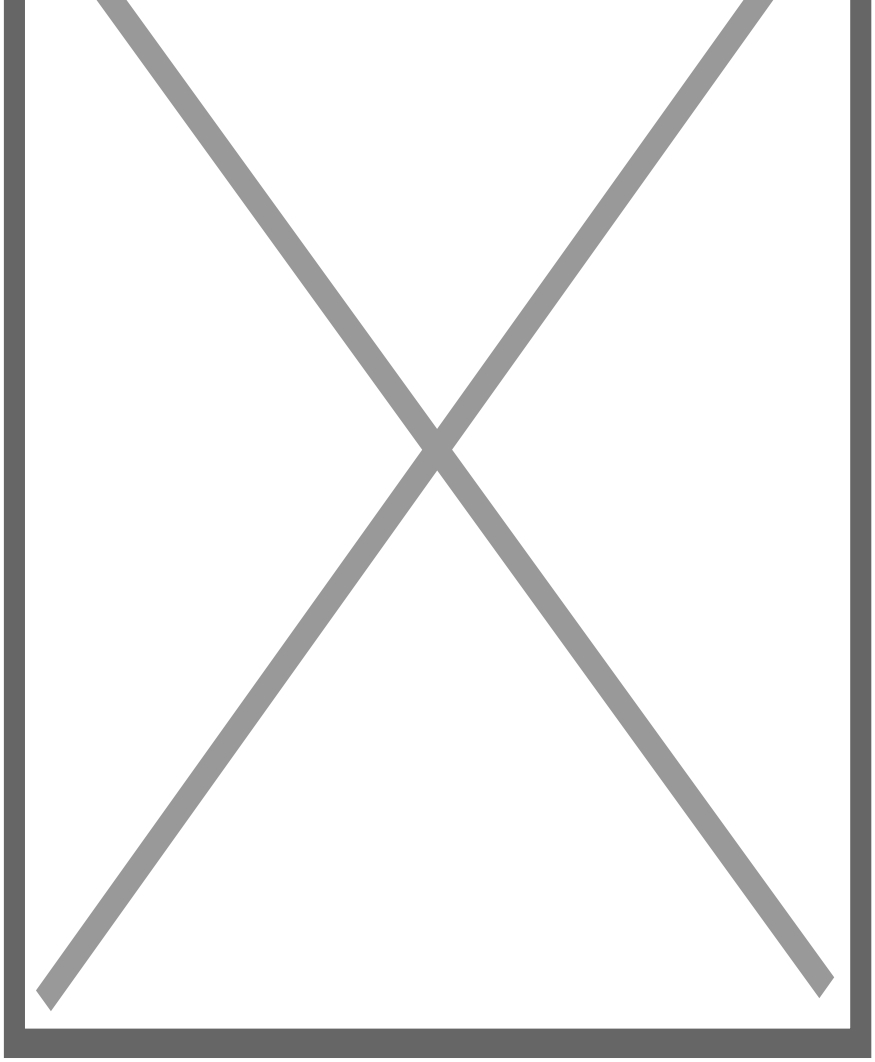
Năm Nghĩa Hy thứ 12 (416), ngài thị tịch, thọ 83 tuổi. Về sau, Ngài được các vua Đường, Tống ban tặng Sư các thụy hiệu: Biện Giác Đại Sư, Chính Giác Đại Sư, Viên Ngộ Đại Sư, Đẳng Biến Chính Giác Viên Ngộ Đại Sư. Để phân biệt với Ngài Huệ Viễn chùa Tịnh Anh đời Tùy, người đời sau thường gọi Ngài là Lô Sơn Huệ Viễn.

“Đối với Phật Giáo Trung Hoa và Tịnh độ tông tại đây hầu như đều công nhận Ngài là Sơ Tổ, nhưng có điều lạ lùng là Tịnh độ tông Nhật Bản do Ngài Pháp Nhiên và Ngài Thân Loan sáng lập vào thế kỷ 13 thì chỉ công nhận Ngài Đàm Loan là Đệ tam Tổ Tịnh độ tông (kể từ Ngài Long Thọ và Thế Thân), Ngài Đạo Xước, Ngài Thiện Đạo mới là Đệ nhị Tổ và Đệ tam Tổ của Tịnh độ tông Trung Quốc”[11]

3.2. Một vài nét về tư tưởng niệm Phật của Ngài Đàm Loan

Khi chưa đến với đạo Phật ngài bị bệnh nặng, ngài tìm đến các thuốc trị bệnh bằng phương pháp tu luyện linh đơn trường sinh bất tử cải lão hoàng đồng của Lão giáo nhưng vẫn không khỏi bệnh. Tình cờ ngài gặp Bồ Đề Lưu Chi. Bồ Đề Lưu Chi bảo ngài là “thuốc của Lão làm sao chữa được bệnh. Muốn chữa được thân bệnh, tâm bệnh thì chỉ có thuốc của Phật. Ta có bài thuốc trao truyền cho ông nếu hành trì theo thì sẽ rất hiệu nghiệm”. Bồ Đề Lưu Chi mới đưa cho Ngài Đàm Loan cuốn kinh Quán Vô Lượng Thọ. Sau khi đọc xong và hành trì theo thì bệnh được thuyên giảm và bắt đầu tu Tịnh độ và xiển dương Tịnh độ.

[caption id="attachment_27305" align="alignright" width="450"]



Trong truyền thống

Tịnh độ hay nói đến là bổn nguyện tha lực và nương vào bổn nguyện tha lực của Phật A Di Đà mà đưa đến sự vãng sinh. Ảnh minh họa: Internet.[/caption]

Ngài xiển dương tinh thần “dị hành và nan hành”

“Dị hành và nan hành”[12] nghĩa là dễ và khó. Nói về dễ thì ngài lấy từ bản Thập Địa kinh hay Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận của ngài Long Thọ. An trú trong chính niệm, trở về với sự tỉnh thức nội tại, đó là nguyên lý niệm Phật. Hiểu được nguyên lý đó đưa vào các danh hiệu Phật. Ngài Long Thọ đưa ra nhiều danh hiệu Phật và Bồ tát, Ngài Đàm Loan thấy nhiều danh hiệu như vậy thì hành giả sẽ không nhớ hết, cho nên chỉ xưng danh hiệu Phật Di Đà và tin vào bổn nguyện của Ngài thì sẽ được vãng sinh. Đây là Ngài Đàm Loan hạ xuống một bậc cho dễ tu, dễ hành trì. Khó dễ là do pháp môn hành trì và do quốc độ.

Triển khai về 3 Đại nguyện trong 48 Đại nguyện của Phật A Di Đà

Thứ hai là thay vì niệm nhiều danh hiệu Phật và Bồ tát, chỉ cần niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Ngài triển khai về 3 Đại nguyện trong 48 Đại nguyện đó là Đại nguyện thứ 11, 18 và 22.

+ Nguyện thứ 11

“Giả sử khi Tôi thành Phật, hàng thiên nhơn ở nước Tôi, chẳng an trụ định tụ quyết đến diệt độ thì Tôi chẳng lấy ngôi chính giác”[13] là khi sinh về cảnh giới Tây phương hành giả chắc chắn trú được chính định tụ. Công năng của chính định tụ là giúp cho hành giả không bao giờ thoái chuyển, cứ tiến triển cho đến khi thành Phật. Bởi trong khi niệm Phật, hành giả buông xả, không chấp trước, không điên đảo, được tha lực chư Phật nhiếp thọ nên được tâm an tịnh tương ứng với an trụ định tụ, đồng với nguyện của Phật A Di Đà. Như vậy, hàng trời người ở cõi Tây phương được trụ vào bất thối chuyển khi ở cõi nước của Phật A Di Đà. Đây là nhân duyên thù thắng, bởi chúng sinh lòng phàm chưa dứt, tâm tính chưa thuần, mỗi ngày lặn hụp lên xuống trong ba cõi, sáu đường không ngừng nghỉ, nay được tha lực của Phật A Di Đà nhiếp thọ, khiến cho không còn sợ rơi rớt, đọa lạc vào ba ác đạo, nhanh đến quả vị Giác ngộ, giải thoát mọi khổ đau.

+ Nguyện thứ 18

“Nếu Tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương chí tâm tin ưa, muốn sinh về cõi nước Tôi, cho đến mười niệm, nếu không được vãng sinh thì tôi không thành Chính giác. Chỉ trừ tội ngũ nghịch và phỉ báng chính pháp” [14]10 niệm vãng sinh. Chí tâm tín nhạo, thành tâm niệm danh hiệu nhẫn đến 10 niệm thì sẽ được vãng sinh, ngoại trừ phỉ báng chính pháp và phạm ngũ nghịch đại tội. Ở đây, nghe qua thấy dễ, nhưng thật sự để đạt được niệm mười niệm trước lúc lâm chung, với tâm tin ưa muốn sinh về cõi nước của Phật A Di Đà thì thật sự không dễ.

Có người bảo rằng: “Vậy để đến lúc sắp lâm chung mình hãy lo niệm Phật!”, nhưng ngay lúc đầu óc còn minh mẫn, bị đau răng, thì tâm chúng ta chỉ nghĩ, làm sao để hết đau răng? Chứ không nhớ đến Phật được, đã không nhớ đến Phật thì làm sao niệm Phật một cách tha thiết, tin ưa? Huống hồ, giờ phút sắp lâm chung ấy, tứ đại phân ly, oan gia vây kín, người thân khóc lóc thảm thương, và tâm trí bấn loạn bởi giờ tử biệt, mãi mãi không gặp lại người thân, tài sản bỏ lại, … chưa nói đến khi thân thể bệnh hoạn, mê man, bất động,…làm sao có thể yên tâm, tỉnh trí để niệm được danh hiệu Phật với tâm tin ưa.

Như vậy, để có thể niệm Phật từ một đến mười niệm trước lúc lâm chung, thì hành giả phải chuẩn bị ngay khi còn khỏe mạnh, tha thiết hành trì không gián

đoạn, tập buông xả. Khi đau yếu, tập giữ chính niệm để có thể niệm Phật, thành thói quen. Niệm Phật cho đến lúc thuần thục, gọi là bất niệm tự niệm, trong tâm trí không còn gì khác ngoài một lòng tin tưởng Phật. Trong lúc niệm Phật, tâm tham, sân, si không dấy khởi, thay một niệm phiền não thành một niệm Phật, khi tạp niệm không còn, tâm trí tự sáng, thay 1 giây phiền não thành 1 giây niệm Phật. Niệm Phật, miệng niệm, tai nghe rõ danh hiệu Phật, ngay lúc ấy tâm không điên đảo, thân không tạo nghiệp bất thiện, nghĩa là không phạm giới, tâm định tĩnh, lòng luôn được an ổn, thanh tịnh thì ngay thời khắc ấy, hành giả chính là Phật, 1 phút niệm Phật trong thanh tịnh là một phút làm Phật, một giờ thanh tịnh là một giờ làm Phật. Nếu có thể tương tục như vậy thì hiện đời đã được an lạc, giải thoát.

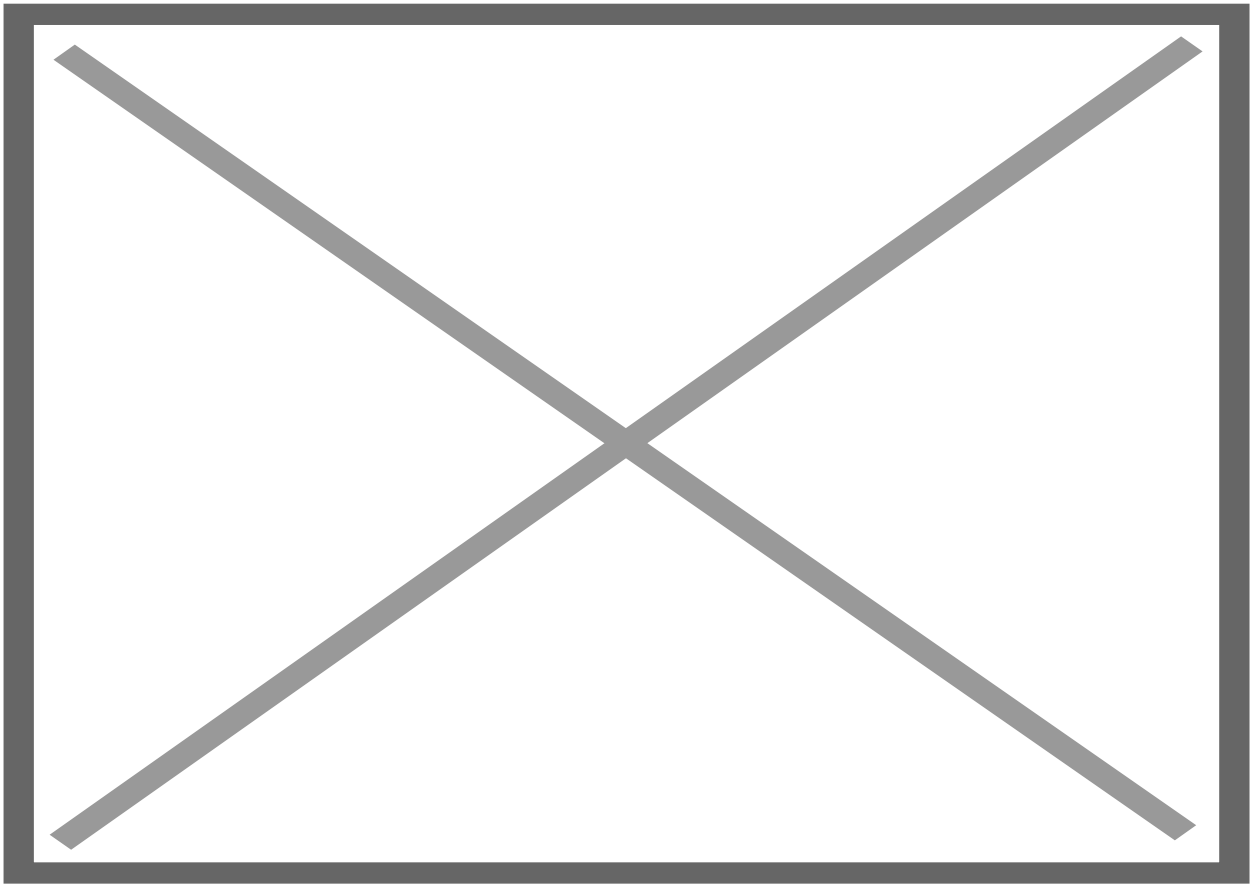
Phương pháp niệm Phật đây tương đương với việc tu thiền chỉ, nhưng nhờ tha lực của chư Phật nhiếp thọ nên hành giả dễ đi đến an định. Tự lực của hành giả cùng với tha lực của chư Phật, chư Bồ-tát thì tâm hành giả rốt ráo nhanh chóng tiếp cận với định. Như vậy, pháp môn niệm Phật nhiếp cả Giới-Định-Tuệ. Phương pháp niệm Phật này, nếu nói dễ thì thật dễ, đối với căn cơ thấp cũng được vãng sinh theo thứ bậc trong chín phẩm Liên Hoa, nếu nói sâu thì phương pháp niệm Phật này thật sâu sắc và vi diệu nhờ trợ duyên tiếp sức của chư Phật để hành giả đạt đến bất thối chuyển mà không trái với phương pháp hành trì của Thiền tông.

+ Nguyện thứ 22

“Giả sử khi Tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi nước khác sinh về nước Tôi rốt ráo tất cả đến bực nhứt sinh bổ xứ. Trừ người có bổn nguyện tự tại hóa độ, vì chúng sinh mà mặc giáp hoằng thệ chứa công đức độ tất cả, đi qua các nước Phật tu hạnh Bồ Tát, cúng dường chư Phật mười phương, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sinh khiến họ đứng nơi đạo chính chơn vô thượng, vượt hơn công hạnh của hạng tầm thường, hiện tiền tu công đức Phổ Hiền. Nếu không như vậy thì Tôi chẳng giữ ngôi chính giác.”[15] là khi Bồ tát sinh về Tây phương sớm được thành tựu quả vị nhất sinh bổ xứ, nhờ vào tha lực của Phật A Di Đà. Cõi Tịnh độ Tây phương không chỉ tiếp nhận những chúng sinh ở thế giới Ta-bà mà còn độ cả chúng Bồ-tát từ các cõi khác đến, tất cả đều được nhiếp thọ rốt ráo đến bật nhất sinh bổ xứ.

Ngài Đàm Loan nói về 3 nguyện trên, đó là tha lực, là năng lực của Phật A Di Đà làm cho hành giả đạt được bất thoái chuyển.

[caption id="attachment_27306" align="aligncenter" width="900"]



Niệm Phật cầu vãng sinh Tây phương Tịnh độ. Ảnh: Internet.[/caption]

3.3. Một số vấn đề về 10 niệm vãng sinh trong truyền thống Tịnh độ

Trong truyền thống Tịnh độ hay nói đến là bổn nguyện tha lực và nương vào bổn nguyện tha lực của Phật A Di Đà mà đưa đến sự vãng sinh. Đặc biệt là hầu như những cao tăng Tịnh độ và học giả Tịnh độ khi nói đến Tịnh độ Tây phương đều ấn tượng với khái niệm "10 niệm vãng sinh". 10 niệm vãng sinh là 1 trong những vấn đề rất là phổ biến và đa chiều. Đa số các ngài giải thích 10 niệm vãng sinh này theo cách khác nhau.

Ngài Đàm Loan nói 10 niệm vãng sinh tức là vị ấy trong từng sát na cùng một niệm thanh tịnh không xen tạp, không nghĩ gì khác, chỉ liên tục 10 niệm thì liền được vãng sinh. Phải giữ tâm thanh tịnh, không móng tâm khởi ý, không nghĩ đến chuyện khác, an trú trong sự thanh tịnh và cứ liên tục như thế cho đến 10 niệm.

Ngài Liên Hiển dựa vào kinh Hoa Nghiêm nói đến Bồ tát tu 10 niệm. 10 niệm này là 10 niệm vị tha đại bi thì được vãng sinh. 10 niệm đó là niệm từ, bi, hộ pháp, kham nhẫn, giữ tâm trong sạch, đạt nhất thiết cảnh trí chư Phật, không kêu ngạo, không tham đắm cuộc đời, không tán loạn, quán tưởng Phật theo tinh

thần nguyện thứ 18 trong kinh Vô Lượng Thọ. Ngài là một học giả Tịnh Độ nhưng không có nhiều sách về Tịnh Độ cho nên ngài chỉ đưa ra quan điểm là 10 niệm dựa trên kinh Hoa Nghiêm.

Về sau này có ngài Thiện Đạo hướng dẫn về phương pháp an trú thân tâm, chí thành tâm và hồi hướng phát nguyện tâm. Thân tâm là cái tâm chuyên nhất, kiên cố; chí thành tâm là tâm tha thiết; hồi hướng phát nguyện tâm là tâm hồi hướng, phát nguyện và hồi nguyện, tức là vãng sinh về Tây phương rồi sau đó trở lại Ta bà độ sinh.

Trong ba cách này thì cách của Ngài Đàm Loan sau này được nhiều vị tiếp nối và truyền thừa. Sau này bên Nhật Bản có ngài Thanh Loan, là sơ tổ của Tịnh Độ chân tông cho rằng người phát tâm niệm Phật chỉ chuyên nhất một câu Di Đà, không nghĩ tưởng gì khác. Ví như có người bị thú dữ rượt chạy đến bên bờ sông, những gì mang vác trên người đều phải cởi bỏ lại để lội qua sông, nếu còn mang vác những vật dụng theo thì không thể lội qua sông được. Phương pháp của Ngài Đàm Loan là niệm niệm tương tục không gián đoạn. Cần phải duy trì năng lượng niệm Phật đó trong mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm chứ không phải trong nhất thời.

Tư tưởng thứ nhất: Pháp thập niệm chi sơ.

Ngài khuyên chúng ta vừa niệm Phật và vừa lạy xuống, vừa niệm Phật vừa đứng lên, mỗi ngày như vậy là lạy 1080 (một ngàn tám mươi) lạy, tức là phân ra nhiều thời chứ không phải một thời. Phương pháp này giúp hành giả vừa tập trung, chuyên chú trong lúc lạy xuống, vừa tăng cường sức khỏe, vừa có tâm cung kính làm tăng phước cộng với chính niệm trong khi lạy, sự hợp nhất ấy vừa tiêu tội vừa được chư Phật nhiếp thọ cùng với tự lực của bản thân, làm cho tâm hành giả nhanh chóng đi vào định. Đây là phương pháp mà hiện nay rất nhiều đạo tràng ứng dụng, đã cảm nhận được sự an lạc.

Tư tưởng thứ hai: Pháp thập niệm tương tục.

Thập niệm tương tục nghĩa là niệm chậm hoặc niệm nhanh nhưng mỗi niệm phải tương tục với nhau không để cho niệm khác xen vào. Khi niệm như vậy là chúng ta tự trợ duyên cho chúng ta. Miệng niệm, tai nghe, tiếng niệm Phật của chúng ta sẽ lưu lại khắp trong mười phương cho đến vô lượng kiếp về sau không bao giờ mất. Chư Phật trong mười phương vẫn nghe tiếng niệm Phật của chúng ta và tồn tại trong vô lượng kiếp. Do vì tai chúng ta là tai phàm phu do cha mẹ sinh nên cái nghe còn hạn chế. Còn chư Phật, Bồ tát với thiên nhĩ thông có thể nghe khắp mười phương không ngăn ngại. Theo Lý duyên khởi thì tiếng niệm Phật đó luôn luôn tồn tại chứ không mất. Nó mất đối với chúng ta ở đây nhưng

tồn tại ở nơi khác. Sự nổ lực niệm Phật tương tục giúp cho hành giả không còn tạp niệm, thay 1 tạp niệm hằng ngày thành 1 tiếng niệm Phật, đến khi tạp niệm dứt bật, lòng rảnh rang, không còn có tâm ham cầu danh lợi, xem xét thấy thế gian này không là nơi an trú lâu dài, lòng thương mọi người sẽ nâng lên, nhẹ nhàng đối với cuộc sống, tự nhiên sẽ buông xả, dễ tha thứ, dễ chấp nhận, nhu nhuyến dễ sử dụng. Thật ra, phương pháp niệm Phật là thiền chỉ trong pháp tu thiền, nhưng đặt thù của pháp này có điểm nổi trội hơn bởi có sự nhiếp thọ của chư Phật. Nhờ công đức niệm Phật và hành giả lưu trữ tiếng niệm Phật vào trong A lại da thức của mình, lâu dần trở thành thói quen, đủ duyên sẽ hiện hành, lòng luôn có Phật dù đã trải qua nhiều kiếp. Đây là duyên lành để hành giả không thối chuyển.

Tư tưởng thứ ba: Pháp trợ niệm lẫn nhau.

Ngoài việc tự niệm chúng ta còn chú ý trợ duyên cho bạn đồng tu, tạo thành từ trường thanh tịnh, khiến cho người được trợ niệm vững lòng, không mệt mỏi, nhất là khi người bệnh nặng, người sắp lâm chung. Trong khi trợ niệm, chúng ta chú ý đến sức khỏe và khả ngăn của người bệnh mà có thể niệm nhanh, niệm theo hơi thở, hay niệm 6 tiếng, 4 tiếng, niệm có tiếng chuông, khánh, hay chỉ niệm theo sức khỏe của người đang được trợ niệm.

Nhờ công năng trợ niệm mà hành giả đủ sức giữ chính niệm trước lúc lâm chung. Đã có rất nhiều hành giả đủ duyên được trợ niệm, đã vãng sinh, để lại thoại tướng tốt, nghe được mùi thơm, biết ngày giờ vãng sinh,... Ngày nay, rất nhiều đạo tràng tại Việt Nam đã được thành lập để trợ niệm cho người sắp lâm chung, nhận trợ niệm cho người bệnh nặng, khi có yêu cầu, cũng có nhiều quyển sách hướng dẫn cách niệm Phật, cách trợ niệm từ các vị cao tăng thạc đức,... cho thấy phương pháp trợ niệm của Ngài Đàm Loan đã đem lại lợi ích thiết thực và được phát triển cho đến ngày nay.

Hai pháp Thuyết phục và Nhiếp thọ.

Ngài Đàm Loan có đặt ra một nghi vấn rằng:“Nước Cực Lạc ở trong ba cõi, cõi nào do cõi nào nhiếp?” Trong Phật pháp có hai pháp để chúng ta hướng về, một là thuyết phục, hai là nhiếp thọ.

Thuyết phục:

Pháp Thuyết phục được biết đến đó là Đức Bổn Sư Thích Ca thực thi ở cõi Ta-bà, gọi là Điều ngự Bổn sư Thích Ca.

Điều ngự tức là điều phục thân, khẩu, ý, điều ngự những tham, sân, si, hỷ, nộ, ái, ố, trong khi niệm Phật phải điều phục được thân tâm của mình. Cũng như

chúng ta thọ giới tất nhiên là tập trung vào giới pháp của mình, có những thứ xấu ác chúng ta phải bỏ đi, ví dụ như trước kia chúng ta sát sinh, từ khi thọ giới pháp rồi thì không dám làm việc sát sinh nữa. Do vì chúng ta ở cõi gọi là cõi dục nên lòng mong muốn của con người bao giờ cũng sinh khởi, nó theo thời gian mà sinh khởi. Còn hai cõi nữa là cõi sắc và cõi vô sắc. Cõi dục có thân nghiệp, có suy nghĩ, lòng mong muốn; cõi sắc cũng có lòng mong muốn nhưng giới hạn hơn cõi dục; cõi vô sắc tuy có lòng mong muốn nhưng không thấy, tâm suy nghĩ của chúng ta không ai thấy được nên gọi là vô sắc.

Nhiếp thọ:

Cõi Tịnh Độ là thế giới trang nghiêm và thanh tịnh, hoàn toàn giải thoát, không bị vướng vào dục, không có sinh tử, chỉ thuần là vui không có khổ. Tuy chúng ta ở trong cõi dục, nhưng khi niệm Phật với sự nhất tâm tức là chúng ta đã vượt ra khỏi dục giới. Cõi Tịnh độ cũng không nhiếp trong cõi sắc, cõi sắc cũng còn dục tính nhưng hạn chế hơn cõi dục, cõi đó không phân biệt nam và nữ. Thế giới Tây phương Cực Lạc cũng vậy, không có tướng nam và tướng nữ nên cũng không nhiếp vào cõi sắc. Khi đạt đến cảnh giới Nhị thiền, thì dù đứng trước người nữ hay người nam thì tâm bất động, không khởi niệm phân biệt, thế giới Tam thiền là không còn sinh dục, thế giới Tứ thiền không có tướng nam và nữ... Do đó, Tây phương Cực Lạc cũng không nhiếp trong sắc giới. Cõi vô sắc vẫn còn có giới hạn, chúng ta vẫn còn có sự suy nghĩ, vẫn còn vi tế vọng động, vẫn còn nằm trong thế gian, vẫn còn vi tế phân biệt. Thế giới Tây phương là thế giới không còn vọng tưởng, đến như tiếng chim hót, tiếng nước chảy... đều phát ra tiếng pháp vi diệu chứ không phải là âm thanh của loài chim, của nước chảy... những tiếng nhạc, tiếng sáo... cũng là tiếng pháp vi diệu chứ không phải là những tiếng làm say đắm lòng người theo kiểu thế gian. Người tu thiền phải tìm chỗ yên tịnh để không bị động; người tu Tịnh Độ ở chỗ động nhưng vẫn không bị động do vì chúng ta đang chú tâm vào câu Phật hiệu. Do đó chúng ta không bị nhiếp vào cõi vô sắc.

Ngài Đàm Loan khuyên người niệm Phật bằng cách đặt ra tình huống rằng: Ví như một người bị bọn cướp rượt đuổi, khi đến bờ sông để tìm phương tiện qua sông mà tìm không ra. Lúc đó trong tâm thì sợ bọn cướp, một mặt muốn tìm phương tiện qua sông, vậy chỉ còn cách tự mình nhảy xuống sông mà bơi qua bờ bên kia. Tức là phải tự mình nỗ lực tu hành để thoát khỏi luân hồi sinh tử, qua đến bờ bên kia tức là được an vui, cứu cánh giải thoát. Chúng ta phải tu như một người bị cướp rượt đuổi, đồng thời phải phát nguyện rộng lớn để chiến thắng được nghiệp lực.

3.4. Những cống hiến từ tư tưởng của Ngài Đàm Loan

Từ khi xuất gia, Ngài Đàm Loan đã thành tâm, thành ý, hướng đạo tu Phật tha thiết, Ngài còn dùng cả tâm, trí, lực và sở tu của mình để cống hiến cho Phật pháp.

Năm Thái Nguyên thứ 16 (391), Ngài thỉnh Tăng Già Đề Bà người nước Kế Tân phiên dịch luận A Tỳ Đàm tâm, luận Tam Pháp độ. Cùng lúc với việc hoằng dương Bát Nhã học Đại Thừa, Ngài cũng đề xướng Thiền Học Tiểu Thừa và có kiến giải rất sâu đối với vấn đề cải cách Phật Giáo ở Trung Quốc.

Niên hiệu Nguyên Hưng năm đầu (402) Ngài cùng với hơn 100 đồng tu như Cư sĩ Lưu Di Dân, ...tất cả là 123 vị, sáng lập Bạch Liên Xã, dùng Tịnh độ niệm Phật làm Pháp môn tu hành, cùng nguyện vãng sinh Tịnh Độ Tây Phương, các vị sống trên núi ẩn dật tu tập, hơn 30 năm không một lần rời núi.

Năm Nguyên Hưng thứ 2 (403), Ngài soạn luận: “Sa Môn bất kính Vương giả” để phản đối, nói rõ việc người xuất gia không bị buộc phải khuất phục vương quyền. Chọn chùa Đông Lâm ở Lô Sơn là trung tâm của Phật Giáo miền Nam, giống như Đạo Tràng dịch kinh của Ngài Cưu Ma La Thập ở Trường An là trung tâm Phật Giáo miền Bắc lúc bấy giờ.

Những tác phẩm của Ngài như: Lô Sơn tập 10 quyển, Vấn Đại Thừa Trung Thâm Nghĩa Thập Bát Khoa (Đại Thừa đại nghĩa chương) 3 quyển, luận Minh báo ứng, luận Thích Tam Bảo, luận Biện Tâm thức, luận Sa Môn đản phục và Đại Trí Độ luận sao tự.

Ngoài ra, ngài còn là học giả nổi tiếng thời bấy giờ về Tứ Luận (Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận, Đại Trí Độ Luận). Người đời sau tôn ngài là Tổ của Tông Tứ Luận. Ngài cũng là người kết hợp hai trào lưu tư tưởng lớn của Phật giáo Ấn Độ từ tổ Long Thọ và ngài Thế Thân, đem tư tưởng Không Tông dung hợp vào giáo nghĩa Tịnh Độ, được đời sau rất coi trọng.

Về Kinh luận Đại thừa Tịnh Độ, Ngài Đàm Loan soạn Vô Lượng Thọ Kinh luận chú, Vô Lượng Thọ kinh Ưu Ba Đề Xá nguyện sinh kệ chú. Còn gọi là Luận chú, Chú luận. Luận chú gồm 2 quyển, được thu vào Đại Chính tạng tập 40.

Năm Nghĩa Hy thứ 12 (416), Ngài Đàm Loan thị tịch, thọ 83 tuổi, để lại những tác phẩm nổi tiếng như: Vãng Sinh luận chú, 2 quyển, Tán A Di Đà Phật kệ, Lễ Tịnh Độ thập nhị kệ, Lược luận Tịnh Độ an lạc nghĩa.

Về sau các vua Đường, Tống ban tặng Sư các thụy hiệu: Biện Giác Đại Sư, Chính Giác Đại Sư, Viên Ngộ Đại Sư, Đẳng Biến Chính Giác Viên Ngộ Đại Sư. Người đời sau thường gọi Ngài là Lô Sơn Huệ Viễn để phân biệt với Ngài Huệ Viễn chùa Tịnh Anh đời Tùy.

Những thành tựu cũng như cống hiến cho Đạo pháp của Ngài rất đáng kính quý, có thể nói, cả cuộc đời của Ngài đã sống, đã tu, đã dạy, đã trước tác, là một sự nghiệp lớn, xứng đáng với danh hiệu Tổ sư, mặt dù Ngài không được nhắc đến như những gì Ngài đã hy sinh, đã cống hiến và thành tựu. “Ngài Đàm Loan được tôn xưng là Thỉ tổ của tông Tịnh độ ở Trung Quốc, chủ trương của ngài phần nhiều làm tiêu chuẩn cho đời sau, đặc biệt là luận điểm Di-đà bản nguyện của ngài đã truyền thừa cho các ngài Đạo Xước, Thiện Đạo v.v... Nhờ vậy mà tư tưởng trung tâm của Tịnh độ giáo được phát triển rộng rãi”.[16]

Kết luận

Mặc dù tính ngưỡng Phật A Di Đà liên quan đến tín ngưỡng cầu sinh về thế giới trang nghiêm, trường thọ, có hưởng được niềm vui thù thắng vi diệu, ...nhưng về căn bản vẫn đúng theo tinh thần hành trì tu tập của Phật giáo và không sai với triết học. Đây là con đường dẫn đến thanh tịnh thân tâm bằng công năng tu tập bằng tự lực và tha lực, để tạo dựng nên một thế giới trang nghiêm thanh tịnh. Sự thành tựu tùy theo khả năng của mỗi người mà có sự nhanh chậm sai khác nhau. Ví như cơn mưa đổ xuống, tùy theo loại cây có khả năng tiếp nhận lượng nước khác nhau. Cũng vậy, pháp môn Tịnh độ tuy đơn giản nhưng hàm ý nghĩa bên trong rất mầu nhiệm thù thắng, tùy thuộc vào nhận thức của mỗi người nên không phải tự nhiên mà pháp môn Tịnh Độ được chấp nhận, tồn tại và phát triển và không bị sự hưng thịnh, suy vong của thời cuộc làm thay đổi, không bị chi phối bởi sự tiến bộ của khoa học, kỹ thuật hiện đại phát triển.

Đời hiện tại:

Ma cường, pháp nhược, đạo suy vi

Phật tổ xưa kia đã liệu kỳ.

Còn có lời vàng làm mẫu mực,

Ai người đạt ngộ khỏi tìm chi”.[17]

Cơ thể con người yếu đuối, bệnh tật, ngoại duyên hưng thịnh, làm cho đạo pháp khó lưu bố, con người khó tiếp cận với đạo mầu. Nên Ngài Đàm Loan đã dày công vì hàng hậu học mà truyền bá, trước tác, dịch thuật, làm cho người đời sau được mở trí, chọn cho mình pháp môn tu phù hợp với căn cơ mà không đi sai với lẽ đạo... Ngày nay, kinh sách rất nhiều, khoa học tiến bộ, công nghệ truyền thông phong phú đa dạng, chúng ta có thể tiếp cận với những tinh hoa Phật Pháp, cần suy nghĩ thấu đáo để không bỏ lỡ cơ hội quý báu được làm người có tri thức, có trí tuệ ngay trong đời kiếp này, làm thăng tiến tâm thức, an lạc hiện

tại và tương lai không còn đọa lạc, trầm luân sinh tử.

Tác giả: **Huệ Liên**

Chùa Long Hưng, Phương Trạch, Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội.

Chú thích

[1] Nguyễn Tuệ Chân (dịch, 2008), Lịch sử Phật giáo, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

[2] Nguyễn Quang Cư (2014), Cở sở hình thành tư tưởng Phật giáo Đại thừa, Nghiên cứu Phật giáo, số 7, tr. 36-43.

[3] Đại sư Ấn Thuận, Thích Đức Niệm (dịch, 2006), Tịnh Độ Đại thừa tư tưởng luận, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

[4] Thích Nữ Viên Thắng dịch (2011), Tịnh Độ Giáo Khái Luận, tại Tu viện Huệ Quang, Sài Gòn, Việt Nam, tr. 77.

[5] Edward Conze (Hạnh Viên dịch, mùa an cư PL.2551), Tư tưởng Phật giáo Ấn Độ, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

[6] Nguyễn Duy Hinh (1999), Tư tưởng Phật giáo Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[7] Nguyễn Duy Hinh (2006), Triết học Phật giáo Việt Nam, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.

[8] Nguyễn Duy Hinh (2009), Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb. Tôn Giáo và Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

[9] Cư sỹ Nguyên Thanh Hoa (2014), “Nguồn gốc lịch sử, ra đời và phát triển của Tịnh Độ tông”, Nghiên cứu Phật học, số 3: 40 - 42.

[10] Thích Như Điển, Nguyễn Minh Tiến hiệu đính (2019), Tư Tưởng Tịnh Độ Tông, Ngài Đàm Loan và Tư Tưởng Tịnh Độ, tại Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc, tr. 121.

[11] Thích Như Điển, Nguyễn Minh Tiến hiệu đính (2019), Tư Tưởng Tịnh Độ Tông, Ngài Đàm Loan và Tư Tưởng Tịnh Độ, tại Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc, tr.123.

[12] Thích Như Điển, Nguyễn Minh Tiến hiệu đính (2019), Tư Tưởng Tịnh Độ Tông, Ngài Đàm Loan và Tư Tưởng Tịnh Độ, tại Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc, tr.125.

[13] Pháp Sư Huệ Tịnh - Người Dịch: Nhuận Hà - Hiệu Định: Định Huệ (2016), Đại Ý Ba Kinh Một Luận Tịnh Độ, Nxb. Hồng Đức - Hà Nội, tr. 214.

[14] Pháp Sư Huệ Tịnh - Người Dịch: Nhuận Hà - Hiệu Định: Định Huệ (2016), Đại Ý Ba Kinh Một Luận Tịnh Độ, Nxb. Hồng Đức - Hà Nội, tr. 212.

[15] Pháp Sư Huệ Tịnh - Người Dịch: Nhuận Hà - Hiệu Định: Định Huệ (2016), Đại Ý Ba Kinh Một Luận Tịnh Độ, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

[16] Thích Nữ Viên Thắng dịch (2011), Tịnh Độ Giáo Khái Luận, tại Tu viện Huệ Quang, Sài Gòn, Việt Nam, tr.107.

[17] Nguyễn Lang (2009), Việt Nam Phật Giáo Sử LuậnTập 1 - Chương 13: Thiền Sư Pháp Loa, Nxb. Văn Học - Hà Nội, tr.270. Để cập nhật những thông tin, kiến thức Phật giáo nhanh và chính xác nhất, theo dõi Tạp chí Nghiên cứu Phật học trên các nền tảng **Facebook**, **Website**, **Youtube**. Xem thêm: **Đạo Phật sẽ đánh thức tiềm năng chúng ta sẽ thành Phật**